TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 15-12-2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Lan Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Huyền và ông Trần Ánh Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Anh Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia dình thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 01/10/2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét số 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1987. CCCD số 017087007350, cấp ngày 16/8/2021. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

HKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị Mai Thị T, sinh năm 1990. CCCD số 017190006884, cấp ngày 25/6/2021. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Thôn S, xã C, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn anh Bùi Văn D trình bày*:

Anh và chị Mai Thị T tự tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 26/02/2013 (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 6 năm 2022 đến nay không quan tâm đến nhau, anh không còn tình cảm với chị T, đề nghị Tòa án giải cho anh được ly hôn với chị Mai Thị T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013. Được Tòa giải quyết cho ly hôn anh xin được nuôi con, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án, B tự khai bị đơn chị Mai Thị T trình bày:*

Chị xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mẫu thuẫn vợ chồng như anh D trình bày là đúng. Sau thời gian tìm hiểu anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 26/02/2013 (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ). Vợ chồng chung sống đến tháng 6/2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau nên đã sống ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay anh D đề nghị giải quyết ly hôn với chị, chị đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có một con chung tên Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013. Được Tòa giải quyết cho ly hôn chị đồng ý để anh D nuôi con. Do kinh tế của chị đang gặp khó khăn nên chị chưa cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D. Hiện tại chị không thai nghén gì.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay; Thẩm phán, Hội đồng xét xử,

thư ký phiên tòa, đương sự thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Áp dụng điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Văn D:

+ Xử cho anh Bùi Văn D và chị Mai Thị T được ly hôn.

+ Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013 cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Mai Thị T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D và có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh D chị T có quyền thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn

+ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Anh Bùi Văn D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn D xin ly hôn chị Mai Thị T là quan hệ hôn nhân và gia đình. Chị Mai Thị T hiện có HKTT : Thôn S, xã C, tỉnh Phú Thọ, Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Phú Thọ theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Bùi Văn D và chị Mai Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa

và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh D, chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn D và chị Mai Thị T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn có đăng ký kết hôn tại tại UBND xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình ngày 26/02/2013 (nay là xã C, tỉnh Phú Thọ) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh D trình bày quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, đến tháng 6/2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm lối sống, không thể khắc phục được. Đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, anh chị sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không quan tâm đến nhau, đề nghị Tòa án giải cho anh được ly hôn với chị Mai Thị T.

Chị Mai Thị T xác nhận thời gian, điều kiện kết hôn nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như anh D trình bày là đúng. Chị và anh D sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn với anh Bùi Văn D

Hội đồng xét xử xét thấy cả anh Bùi Văn D và chị Mai Thị T đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh D và chị T không muốn gặp gỡ nhau, anh D có đơn từ chối hòa giải, tại phiên tòa cả anh D và chị T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh D, chị T. Xét thấy anh D và chị T sống ly thân từ tháng 6/2022 đến nay không còn thương yêu nhau. Như vậy hôn nhân giữa anh D và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Bùi Văn D và chị Mai Thị T được ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, anh D và chị T có một con chung tên Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013. Anh D và chị T đồng thuận anh D là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013 cho đến khi cháu cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Hội đồng xét xử xét thấy cả anh D và chị T đều nhất trí để anh D nuôi con chung, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Tại biên bản lấy lời khai

đề ngày 11/11/2025 cháu Đ cũng trình bày bố mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng ở với bố. Tuy nhiên do anh D có đơn đề nghị từ chối hòa giải, tại phiên tòa cả anh Bùi Văn D và chị Mai Thị T đều vắng mặt nên không thể công nhận sự thỏa thuận này của anh chị. Vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013 cho anh Bùi Văn D trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh D chưa yêu cầu chị Mai Thị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị T có quyền thăm nom con chung sau ly hôn không ai được cản trở quyền này. Anh D, chị T có quyền thay đổi người nuôi và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.5]Về án phí: Anh Bùi Văn D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a, khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Khoản 1 Điều 53, điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ nghị quyết 326/2016//UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Bùi Văn D.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Văn D được ly hôn với chị Mai Thị T.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung cháu Bùi Quốc Đ, sinh ngày 17/11/2013 cho đến khi cháu cháu Đ trưởng thành đủ 18 tuổi, chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Chị Mai Thị T có quyền thăm con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này. Anh D và chị T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Anh Bùi Văn D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0003139, ngày 09/10/2025 Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án DS tỉnh Phú Thọ;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 13 - Phú Thọ;
- UBND xã Cao Dương
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Chu Thị Lan Anh